

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 - ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2025/DS - ST

Ngày: 16/9/2025

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*” và “*Yêu cầu thực hiện
nghĩa vụ do người chết để lại*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - ĐỒNG NAI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Phụng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Khải

Ông Nguyễn Sỹ Luận

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân
khu vực 11 - Đồng Nai.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Đồng Nai tham gia phiên
tòa:* Ông Bùi Quang Thế - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2025, Tòa án nhân dân khu vực 11 - Đồng Nai xét
xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 97/2023/TLST-DS ngày 06/6/2023 về việc
“*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” và “*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người
chết để lại*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2025/QĐXXST-DS
ngày 08/8/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2025/QĐST-DS ngày
29/8/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh M, sinh năm 1972

Địa chỉ: Thôn Tân Hiệp 2, xã Bù Nho, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình
Phước.

Nay là thôn Tân Hiệp 2, xã Phú Riềng, tỉnh Đồng Nai.

(Có đơn xin giải quyết vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn
Trịnh H, sinh năm 1990

Địa chỉ: Khu phố G, phường H, Thành phố T, tỉnh Bình Dương. (Nay là
khu phố G, phường P, thành phố Hồ Chí Minh)

Bị đơn: Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Đặng Thị Y (đã chết
ngày 20/9/2021) gồm:

1. Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1965

2. Bà Nguyễn Thị Thảo N, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn Tân Hiệp 2, xã Bù Nho, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

Nay là thôn Tân Hiệp 2, xã Phú Riềng, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Thị Thảo N: Bà Vương Thị Minh C, sinh năm 1954

Địa chỉ: Thôn Tân Lực, xã Bù Nho, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

Nay là thôn Tân Lực, xã Phú Riềng, tỉnh Đồng Nai.

3. Bà Nguyễn Thị V (đã chết ngày 17/6/2023)

Địa chỉ: Ấp D, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

(Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn vắng mặt lần 2)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh M và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà M trình bày:

Bà và bà Đặng Thị Y có mối quan hệ bạn bè lâu năm, bà M có cho bà Đặng Thị Y vay tiền, cụ thể:

Ngày 18/01/2019, bà Đặng Thị Y vay của bà số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Khi thực hiện vay tiền, bà và bà Y có lập giấy vay tiền viết tay đề ngày 18/01/20219, bà Y ký, ghi rõ họ tên.

Ngày 25/05/2021, bà Đặng Thị Y vay của bà số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Bà đã giao số tiền vay cho bà Y và các bên có lập giấy vay tiền.

Cả hai khoản vay, bà đều giao tiền mặt cho bà Y vào cùng ngày các bên lập giấy vay tiền. Các giấy vay tiền không ghi lãi suất nhưng thỏa thuận lãi suất của số tiền vay là 10%/năm; thời hạn trả nợ là bà M sẽ báo trước cho bà Y trong thời gian 07 ngày.

Bà Y trả lãi hai khoản vay trên cho bà đến hết tháng 7 năm 2021.

Ngày 20 tháng 9 năm 2021, bà Đặng Thị Y đã chết. Thời điểm bà Y chết, có chồng là ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1965; con gái là Nguyễn Thị Thảo N, sinh năm 1988 và mẹ là bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1930, địa chỉ ấp D, xã T, huyện T, tỉnh Long An. Ngày 13/10/2021, mẹ của bà Y là bà Nguyễn Thị V có văn bản từ chối nhận tất cả các di sản mà bà V được thừa kế theo pháp luật của bà Đặng Thị Y để lại.

Do đó, bà khởi kiện yêu cầu buộc những người thừa kế còn lại của bà Đặng Thị Y là ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị Thảo N có nghĩa vụ trả số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) và lãi suất của số tiền vay, kể từ tháng 8 năm 2021 (thời điểm bà Y chưa trả tiền lãi) đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 16/9/2025) là 48 tháng: $200.000.000 \text{ đồng} \times 48 \text{ tháng} \times 10\%/12 \text{ tháng} = 80.000.000 \text{ đồng}$.

Tổng nợ gốc và nợ lãi mà bà yêu cầu những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bà Đặng Thị Y có nghĩa vụ trả là 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng).

2. Những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của bà Đặng Thị Y:

2.1/ Ông Nguyễn Ngọc T (chồng bà Y), bà Nguyễn Thị Thảo N (con ruột bà Y) và người đại diện theo ủy quyền của ông T, bà Thảo N là bà Vương Thị Minh C không thừa nhận chữ viết, chữ ký trong các giấy vay tiền đề ngày 18/01/2019; ngày 25/5/2021 là của bà Đặng Thị Y, đề nghị Tòa án trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký.

Ngày 14/12/2023, Tòa án đã ban hành Thông báo nộp tiền tạm ứng chi phí giám định chữ ký, cung cấp mẫu chữ ký số 09/TB-CCTTTL giao cho bà Thảo N, bà Minh C, ông T xong phía bị đơn không thực hiện các yêu cầu trong Thông báo.

Ngoài ra, ông Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Thị Thảo N không có ý kiến hay yêu cầu nào khác.

2.2/ Bà Nguyễn Thị V - là mẹ ruột và là người thừa kế theo pháp luật của bà Đặng Thị Y đã chết ngày 17/6/2023.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Đồng Nai tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách tố tụng, thu thập chứng cứ và yêu cầu đương sự cung cấp chứng cứ; thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và đương sự; về thời hạn chuẩn bị xét xử và thủ tục tố tụng tại phiên tòa.

Về nội dung: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, lời khai của nguyên đơn, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp nhận thấy vào ngày 18/01/2019 và ngày 25/5/2021, bà Nguyễn Thị Thanh M và bà Đặng Thị Y có lập 02 hợp đồng vay tiền, trong 02 giấy vay tiền thể hiện chữ ký xác nhận là Đặng Thị Y. Đây là hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

Nay bà M yêu cầu những người thừa kế quyền lợi của bà Y trả số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng là có căn cứ được chấp nhận.

Về phần lãi suất: Bà M yêu cầu lãi suất của số tiền 200.000.000đ tính từ ngày 01/8/2021 đến ngày 21/8/2025 với mức lãi suất là 10%/năm, là có căn cứ chấp nhận.

Bà Nguyễn Thị V có văn bản từ chối nhận mọi di sản thừa kế của bà Y để lại, trong phạm vi di sản để lại của bà Y.

Căn cứ Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 93; Điều 94; Điều 95; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 275; Điều 463; Điều 429; Điều 468; Điều 149; Điều 466; Điều 615 của Bộ luật dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà M. Buộc những người thừa kế quyền lợi của bà Y gồm ông T, bà N, liên đới trả cho bà M số tiền gốc 200.000.000đ và lãi suất 10% của khoản vay ngày 25/5/2021 tính từ ngày 01/8/2021.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử tính theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhận định như sau:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh M khởi kiện yêu cầu những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Đặng Thị Y (đã chết) là ông Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Thị Thảo N thực hiện nghĩa vụ trả số tiền mà bà Đặng Thị Y đã vay. Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng nay là Tòa án nhân dân khu vực 11 - Đồng Nai xác định quan hệ pháp luật về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn cư trú tại thôn T, xã P, tỉnh Đồng Nai, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước nay là Tòa án nhân dân khu vực 11 - Đồng Nai.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Thị Thảo N và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt, không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] *Về nội dung vụ án:*

2.1/ Xét yêu cầu về việc thực hiện nghĩa vụ trả số tiền 200.000.000đ:

Bà Nguyễn Thị Thanh M có cho bà Đặng Thị Y vay 02 lần tiền, cụ thể: Ngày 18/01/2019, vay số tiền 100.000.000đ và ngày 25/5/2021, vay số tiền 100.000.000đ, tổng số tiền của hai lần vay là 200.000.000đ. Căn cứ 02 giấy vay tiền viết tay do bà M cung cấp thể hiện nội dung bà Đặng Thị Y vay tiền của bà M, có chữ ký, họ tên “Đặng Thị Y”. Đây là hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự 2015.

Ngày 20/9/2021, bà Đặng Thị Y chết, không để lại di chúc. Thời điểm mở thừa kế, những người thừa kế có các quyền, nghĩa vụ tài sản do người chết

để lại theo quy định tại Điều 614 Bộ luật dân sự 2015. Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Đặng Thị Y gồm ông Nguyễn Ngọc T (chồng), bà Nguyễn Thị Thảo N (con gái) và bà Nguyễn Thị V (mẹ ruột). Ngày 13/10/2021, bà V có văn bản từ chối nhận tất cả các di sản mà bà được hưởng thừa kế từ con gái bà là bà Đặng Thị Y chết để lại. Văn bản này đã được Văn phòng công chức Hồ Thị Hồng L, địa chỉ số G Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Long An công chứng. Việc từ chối nhận di sản thừa kế của bà V vào thời điểm ngày 13/10/2021 không có căn cứ xác định sở nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ tài sản. Vì vậy, người hưởng thừa kế của bà Y gồm ông T, bà Thảo N. Di sản thừa kế để lại của bà Đặng Thị Y là 05 quyền sử dụng đất theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 601595; số BT 865136; số BB 020826; số CB 006288 và số BR 037490 (bút lục 24).

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thảo N và người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn bà Thảo N, ông T cho rằng chữ ký, chữ viết trong 02 Giấy vay tiền viết tay mà nguyên đơn cung cấp không phải của bà Đặng Thị Y. Bà Thảo N đề nghị trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của bà Y. Căn cứ khoản 1 Điều 160 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án ra thông báo 09/TB-CCTTTL cho người yêu cầu - bà Thảo N phải nộp tạm ứng chi phí giám định chữ ký và cung cấp mẫu chữ ký nhưng bà Thảo N không thực hiện nghĩa vụ.

Bà M và bà Y có lập hợp đồng vay tiền theo 02 Giấy vay tiền viết tay ngày 18/01/2019 và giấy viết tay ngày 25/5/2021 làm phát sinh nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự 2015. Do bà Y đã chết nên bà M yêu cầu những người thừa kế của bà Y là ông Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Thị Thảo N thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền mà bà Y đã vay là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.2/ Xét yêu cầu về lãi suất:

Bà Nguyễn Thị Thanh M yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Thảo N, ông Nguyễn Ngọc T có nghĩa vụ phải trả lãi đối với số tiền vay với mức lãi suất 10%/năm, kể từ thời điểm ngày 01/8/2021 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 16/9/2025.

Hội đồng xét xử nhận định: Hợp đồng vay tiền giữa các bên là vay không kỳ hạn, nguyên đơn cho rằng có thỏa thuận lãi suất là 10%/năm; Bị đơn ông Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Thị Thảo N không thừa nhận chữ viết, chữ ký trong giấy vay tiền là của bà Đặng Thị Y đồng thời cũng không trình bày ý kiến về yêu cầu tính lãi. Đây là trường hợp các bên có tranh chấp về lãi suất, căn cứ Điều 357, khoản 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, mức lãi suất 10%/năm là có căn cứ, được chấp nhận.

Nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 01/8/2021, bị đơn không thừa nhận khoản vay, không thừa nhận lãi suất nên không có căn cứ xác định bà Y đã trả

lãi cho 02 khoản vay này đến thời điểm nào. Ngày 20/9/2021, bà Y chết, đây là thời điểm có cơ sở xác định bà Y chưa thể thực hiện nghĩa vụ trả nợ lãi cho bà M. Do đó, chấp nhận yêu cầu của bà M về việc buộc ông T, bà Thảo N thanh toán tiền lãi suất từ ngày 20/9/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 16/9/2025 như sau: $200.000.000đ \times 47 \text{ tháng} \times 10\%/12 \text{ tháng} (0.83\%/tháng) = 79.757.990đ$ (Bảy mươi chín triệu bảy trăm năm mươi bảy ngàn chín trăm chín mươi đồng).

Từ những phân tích nêu trên, căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468, 611, 614, 615 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 buộc ông Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Thị Thảo N có nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay của bà Đặng Thị Y với bà Nguyễn Thị Thanh M trong phạm vi di sản do bà Đặng Thị Y để lại với tổng số tiền là 279.757.990đ (Hai trăm bảy mươi chín triệu, bảy trăm năm mươi bảy ngàn chín trăm chín mươi đồng), bao gồm nợ gốc là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) và nợ lãi tính từ ngày 20/9/2021 đến ngày 16/9/2025 là 79.757.990đ (Bảy mươi chín triệu bảy trăm năm mươi bảy ngàn chín trăm chín mươi đồng).

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Đồng Nai tại phiên tòa là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Án phí dân sự sơ thẩm*: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Thị Thảo N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 13.987.900 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468, 611, 614, 615 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao

Các khoản 3, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh M

Buộc ông Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Thị Thảo N có nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay của bà Đặng Thị Y với bà Nguyễn Thị Thanh M trong phạm vi di sản do bà Đặng Thị Y để lại theo quy định tại Điều 615 của Bộ luật dân sự năm 2015 với tổng số tiền là 279.757.990đ (Hai trăm bảy mươi chín triệu, bảy trăm năm mươi bảy ngàn chín trăm chín mươi đồng), bao gồm nợ gốc là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) và nợ lãi tính từ ngày 20/9/2021 đến ngày 16/9/2025 là 79.757.990đ (Bảy mươi chín triệu bảy trăm năm mươi bảy ngàn chín trăm chín mươi đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm: ông Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Thị Thảo N phải chịu 13.987.900 đồng.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thanh M số tiền 12.647.000 đồng (Mười hai triệu sáu trăm bốn mươi bảy ngàn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0016201 ngày 5/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Riềng nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 11 - Đồng Nai.

3/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 11- Đồng Nai;
- Phòng THADS khu vực 11- Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu TA, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Phụng

